

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/DS-ST

Ngày 14-9-2023

*V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Như Tạ và bà Lê Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Vân – Thư ký TAND huyện Đắk R'lấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'lấp tham gia phiên tòa:
Ông Lê Minh Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 63/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2023/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: bà Trịnh Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Phan Long C, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; là người đại diện theo ủy quyền – vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Lê Tú B, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phan Long C trình bày:

Ngày 30/9/2016, vợ chồng ông Lê Tú B và bà Nguyễn Thị H1 mượn bà Trịnh Thị H 155.000.000 đồng với lãi suất 2,5%/ tháng; hẹn ngày 31/01/2017 trả

cả gốc lẫn lãi nhưng không trả được nợ. Đến ngày 01/02/2018 hai bên đã chốt lại số nợ và viết lại giấy tờ với nhau. Số nợ gốc là 155.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/01/2017 là 21.700.000 đồng; ông B, bà H1 hẹn ngày 30/12/2018 sẽ trả đủ cả gốc và lãi tổng cộng là 176.700.000 đồng. Đến ngày 30/12/2018 ông B, bà H1 vẫn không trả nợ nên bà Trịnh Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông B và bà Nguyễn Thị H1 phải trả nợ gốc 155.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn ông Lê Tú B, bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đại diện hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Giữa nguyên đơn và bị đơn có viết giấy xác nhận nội dung ông B và bà Nguyễn Thị H1 mượn của bà Trịnh Thị H 155.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 21.700.000 đồng; giấy xác nhận có chữ ký của bà Trịnh Thị H và ông Lê Tú B, bà Nguyễn Thị H1. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả 155.000.000 đồng tiền gốc là trong phạm vi thỏa thuận và quyền định đoạt của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo thỏa thuận. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"; bị đơn trú tại Thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà Trịnh Thị H và ông Lê Tú B, bà Nguyễn Thị H1 thấy: Ngày 01/02/2018 bà Trịnh Thị H và ông Lê Tú B, bà Nguyễn Thị H1 có xác nhận bằng giấy viết tay về nội dung "*vợ chồng B H1 ở Quảng Tín có mượn tiền là 155.000.000 (một trăm năm mươi triệu chẵn), còn tiền lãi tính từ ngày 30/9 đến ngày 31/01/2018 là hết $4T \times 5.425 = 21.700.000$. Hẹn đến ngày 30/12/2018 là phải hoàn trả cả gốc và lãi người cho người*", giấy có chữ ký của bà Trịnh Thị H và ông Lê Tú B, bà H1. Tại biên bản xác minh ngày 01/6/2023 đối với bà Lê Thị Chức (chị gái của ông Lê Tú B), bà Chức trình

bày về việc nghe nói ông B, bà Nguyễn Thị H1 đang nợ tiền bà Trịnh Thị H. Như vậy, việc vợ chồng ông B đang nợ bà Trịnh Thị H 155.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận nêu trên là có căn cứ. Đã quá thời hạn nhưng bị đơn chưa trả tiền là vi phạm thỏa thuận nên có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền trên theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Bà Trịnh Thị H chỉ yêu cầu trả 155.000.000 đồng là trong phạm vi thỏa thuận và quyền định đoạt của đương sự nên chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H. Buộc ông Lê Tú B, bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà Trịnh Thị H 155.000.000 (*một trăm năm mươi lăm triệu*) đồng tiền gốc.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Tú B, bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 7.550.000 (*bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trịnh Thị H 3.875.000 (*ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005274 ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'lấp;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký tên và đóng dấu)

Vũ Văn Tuân